

Bản án số: 15/2021/HSST
Ngày 11- 3- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Vinh

Bà Phạm Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2021/HSST ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Duy Kh, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1978 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 28/47 Ph, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức H và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 57/2012/HSST ngày 12/07/2012 bị Tòa án nhân dân quận H, Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích); tại Bản án số 44/2016/HSST ngày 16/05/2016 bị Tòa án nhân dân Quận Ng, Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); tạm giữ từ ngày 21/10/2020, chuyển tạm giam từ ngày 24/10/2020; có mặt.

2. Nguyễn Sơn Th, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 13 B111 tổ 8, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chiến T và bà Vũ Thị Quang M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 63/2012/HSST ngày

17/07/2012 bị Tòa án nhân dân Quận Ng, Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích); tạm giữ từ ngày 23/10/2020, chuyển tạm giam từ ngày 24/10/2020; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Duy Tr, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số 18 đường Ph, phường Đ1, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Bùi Thị O. Nơi cư trú: Số 20 C, phường N, Quận L, Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Đoàn Việt Th1. Nơi cư trú: Số 4/22/102 đường C, phường B, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 18/10/2020, Trần Duy Kh đi bộ qua nhà số 18 đường Ph, phường Đ 1, quận H, Hải Phòng. Kh phát hiện 01 xe máy Yamaha Jupiter màu đen trắng BKS: 15B1-795.31 của anh Nguyễn Duy Tr để trước cửa nhà không có ai trông coi, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa. Kh lấy chiếc xe máy trên và đi về hướng đường N, phường Đ1, quận H, Hải Phòng. Khi kiểm tra cốp xe, Kh thấy có 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Duy Tr, 01 Giấy đăng kí xe máy BKS: 15B1-795.31 mang tên Phạm Văn T. Kh mang Giấy đăng ký xe máy trên đến cầm đồ tại Cửa hàng cầm đồ P, tại số 22 Ch, Quận L, Hải Phòng do chị Bùi Thị O làm chủ. Chị O đã nhận cầm đồ với giá 500.000 đồng.

Sau đó, Kh đi đến nhà nghỉ Ngọc D trên đường Ng, quận H, Hải Phòng gặp Nguyễn Sơn Th. Tại đây, Kh nói cho Th biết xe máy BKS: 15B1-795.31 do Kh lấy trộm và nhờ Th mang xe đi cầm đồ để lấy tiền chi tiêu. Kh chở Th bằng xe máy này đến nhà Đoàn Việt Th1 để cầm cố xe. Kh ngồi quán bia gần nhà Th1 đợi Th, còn Th điều khiển xe máy đi vào nhà Th1 cầm cố xe với giá 3.000.000 đồng. Th1 trừ số tiền 10 ngày lãi nên chỉ đưa 2.700.000 đồng. Th đưa lại cho Kh số tiền 2.700.000 đồng, Kh cho Th 500.000 đồng tiền công. Số tiền còn lại Kh và Th chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/10/2020, Kh đưa cho Th giấy cầm đồ đăng kí xe máy BKS: 15B1-795.31 của Cửa hàng cầm đồ Ph và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Duy Tr. Th thuê taxi đến gặp Th1 để lấy thêm tiền cầm đồ nhưng Th1 không đồng ý. Do không có tiền trả taxi nên Th đã đưa tờ giấy cầm đồ đăng kí xe máy và giấy phép lái xe cho lái xe taxi là anh Đặng Văn D cầm làm tin, khi có tiền trả Th lấy lại giấy tờ này.

Ngày 21/10/2020, Trần Duy Kh ra Công an phường Đ1, quận H, Hải Phòng đầu thú. Ngày 23/10/2020, Nguyễn Sơn Th ra Công an quận H đầu thú.

Ngày 21/10/2020 Công an phường Đ1 đã phát hiện tạm giữ xe máy BKS: 15B1-795.31 tại lòng đường ngõ 76 Ng, phường C, quận H, Hải Phòng.

Ngày 23/10/2020 anh Đặng Văn D đến Công an quận H giao nộp: 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Duy Tr, 01 hợp đồng vay tiền (số tiền vay là 500.000 đồng) tài sản thế chấp là 01 Giấy đăng ký xe máy BKS: 15B1-795.31 mang tên Phạm Văn T.

Ngày 12/11/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an quận Hải An thu giữ 01 đăng ký xe máy BKS: 15B1-795.31 tại Cửa hàng Ph.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 22/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hải An kết luận: Tổng giá trị của chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đen trắng mang BKS: 15B1-795.31 là 8.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 22/CT- VKS ngày 05 tháng 02 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An truy tố bị cáo Trần Duy Kh về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Sơn Th về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 38, khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Duy Kh từ 18- 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Căn cứ Điều 38, khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Sơn Th từ 12-18 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước: Bị cáo Kh phải nộp lại 2.550.000đồng, bị cáo Th phải nộp lại 650.000đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại xe máy BKS: 15B1-795.31 cho anh Nguyễn Duy Tr, tịch thu và tiêu hủy 01 hợp đồng vay tiền của cửa hàng cầm đồ Ph.

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo Kh khai: Sau khi kiểm tra giấy tờ nhân thân của bị cáo và đăng ký xe phù hợp với xe máy bị cáo đang sử dụng, chị O- chủ Cửa hàng cầm đồ Ph đồng ý cầm cố đăng ký xe máy cho bị cáo. Chị O không biết xe máy do bị cáo trộm cắp mà có. Bị cáo Th khai: Bị cáo Th và anh Đoàn Việt Th1 có quan hệ là bạn từ nhỏ. Khi cầm cố xe máy cho anh Th1, bị cáo không nói xe do trộm cắp mà có. Các bị cáo cùng khai: Đối với số tiền cầm cố xe máy 2.700.000đồng bị cáo Th được chia 500.000đồng, bị cáo Kh và bị cáo Th mua cơm ăn chung hết 300.000đồng, số tiền còn lại 1.900.000đồng một mình bị cáo Kh chi tiêu.

Các bị cáo ăn ăn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tổ tụng:

[1] Hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 18/10/2020, tại trước cửa nhà số 18 đường Ph, phường Đ1, quận H, Hải Phòng, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo Trần Duy Kh đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe máy Yamaha Jupiter màu đen trắng BKS: 15B1-795.31 trị giá 8.000.000đồng. Bị cáo Nguyễn Sơn Th không hứa hẹn trước, biết rõ bị cáo Kh trộm cắp xe máy nhưng vẫn giúp bị cáo Kh cầm cố xe với số tiền 2.700.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của

bị cáo Trần Duy Kh đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Sơn Th đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

[3] Xét về nhân thân: Bị cáo Kh có 02 tiền án đã được xóa, bị cáo Th có 01 tiền án đã được xóa, có nhân thân không tốt.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội các bị cáo đã đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, xét tội phạm mà các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân không tốt, nên cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- Về trách nhiệm dân sự:

[7] Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án- chị Bùi Thị O không yêu cầu bị cáo Kh hoàn trả lại số tiền cầm cố đăng ký xe là 500.000đồng. Như vậy, bị cáo Kh đã thu lợi bất chính số tiền 500.000đồng, nên cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[9] Đối với số tiền cầm cố xe máy, bị cáo Th khai anh Th1 đưa cho bị cáo 2.700.000đồng. Anh Th1 khai anh Th1 cho bị cáo Th mượn 3.000.000đồng. Do không có chứng cứ nào khác chứng minh nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cần xác định số tiền mà bị cáo Th nhận từ anh Th1 là 2.700.000đồng. Anh Th1 khai một người nhận là anh của bị cáo Th đã trả cho anh Th1 số tiền 3.000.000đồng, anh không có yêu cầu về số tiền này. Bị cáo Th không xác nhận việc này nên cần xác định các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 2.700.000đồng. Trong số tiền này, bị cáo Th được chia 500.000đồng, bị cáo Th và bị cáo Kh cùng chi tiêu hết 300.000đồng, số tiền còn lại 1.900.000đồng một mình bị cáo Kh sử dụng. Vì vậy, bị cáo Th phải nộp lại số tiền $500.000\text{đồng} + 300.000\text{đồng}/2 = 650.000\text{đồng}$ và bị cáo Kh phải nộp lại số tiền $1.900.000\text{đồng} + 300.000\text{đồng}/2 =$

2.050.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[10] Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Duy Tr, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an quận Hải An đã trả lại cho anh Nguyễn Duy Tr là có căn cứ.

[11] Đối với 01 hợp đồng vay tiền của Cửa hàng cầm đồ Ph: Xét đây là giao dịch cầm cố đối với đăng ký xe do bị cáo Kh trộm cắp có được nên bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật. Và chị O là chủ của Cửa hàng cầm đồ Ph không yêu cầu bị cáo Kh hoàn trả lại số tiền đã cầm cố nên hợp đồng vay tiền nói trên không có giá trị, cần tịch thu và tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, BKS: 15B1-795.31 màu đen trắng và 01 đăng ký xe máy mang tên Phạm Văn T, Hội đồng xét xử xét:

Tại bản Kết luận giám định số 784/KLGD ngày 22/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, mang BKS: 15B1-795.31 có số khung: RLCJ31C30AY007969 số máy: 31C3-007980 là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không phát hiện có sự tẩy xóa, sửa chữa các ký tự trên.

Qua xác minh, xe máy BKS: 15B1-795.31 có chủ sở hữu là anh Phạm Văn T (địa chỉ: Số 28 Thắng Lợi, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng). Hiện không rõ anh Phạm Văn T ở đâu.

Chiếc xe này ông Đặng Hữu T1 mua cùng giấy đăng ký xe tại cửa hàng Dũng H (địa chỉ: Số 87 T, Quận L, Hải Phòng) vào ngày 28/01/2019. Cửa hàng xe máy Dũng H hiện không còn hoạt động kinh doanh. Hiện không xác định chủ cửa hàng là ai, ở đâu. Ngày 30/01/2019, ông T1 bán xe cho anh Đặng Hữu Ch. Ngày 08/6/2019, anh Ch bán xe cho anh Nguyễn Duy Tr. Các lần mua bán xe nói trên các bên đều làm giấy tờ mua bán.

Mặt khác, theo kết quả tra cứu xe máy vật chứng của Công an thành phố Hải Phòng thì xe máy nói trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Như vậy, có căn cứ xác định anh Nguyễn Duy Tr hiện là người quản lý hợp pháp của xe máy BKS: 15B1-795.31 và 01 đăng ký xe máy mang tên Phạm Văn T nên cần trả lại xe máy và đăng ký xe cho anh Tr theo khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Về án phí:

[13] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Những vấn đề khác:

[14] Đối với Bùi Thị O, Đặng Văn D, Đoàn Việt Th1 tài liệu điều tra không đủ căn cứ để xác định phạm tội Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử phạt: Trần Duy Kh 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/10/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử phạt: Nguyễn Sơn Th 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 23/10/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Duy Kh phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.550.000đ (*hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Sơn Th phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 650.000đ (*sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy 01 hợp đồng vay tiền của cửa hàng cầm đồ Ph;
- Trả lại cho anh Nguyễn Duy Tr: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, BKS: 15B1-795.31 màu đen trắng và 01 đăng ký xe máy số 076420 do Phòng Cảnh sát giao thông- Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 23/11/2013 của xe máy mang BKS: 15B1-795.31 mang tên Phạm Văn T.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 08/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Hải Phòng)

Về án phí: Mỗi bị cáo Trần Duy Kh, Nguyễn Sơn Th đều phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- CQCSĐT- Công an quận Hải An;
- CQTHAHS- Công an quận Hải An;
- Phòng PV06- Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy